

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 8 – TÂY NINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 23/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 19-9-2025
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con
chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 – TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Văn Lên;
- Ông Nguyễn Văn Thuận.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Thùy – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 8 – Tây Ninh.

Trong ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 8, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 28/2025/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 7 năm 2025 về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 22/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 8 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2025/QĐST-HNGĐ ngày 03 tháng 9 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Ngọc T, sinh năm 1996; CCCD số: 080196015674; địa chỉ: Số B, L, Khu phố D, phường K, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Ông Huỳnh Công B, sinh năm 1987; CMND số: 301242224; địa chỉ: số G, T, khu phố A, phường K, tỉnh Tây Ninh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá giải quyết vụ án nguyên đơn bà Bùi Thị Ngọc T trình bày:

Năm 2016, bà Bùi Thị Ngọc T và ông Huỳnh Công B xác lập quan hệ hôn nhân có đăng ký kết hôn tại U, thị xã K, tỉnh Long An vào ngày 31/10/2016. Đời sống chung vợ chồng thời gian đầu hạnh phúc, nhưng sau đó phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung; vợ chồng đã nhiều lần hàn gắn nhưng không thành. Nay tình cảm vợ chồng không còn nên bà T yêu cầu ly hôn với ông B.

Về con chung: Có 01 con chung tên Huỳnh Ngọc G, sinh ngày 19/4/2017. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được nuôi con; không yêu cầu ông Bằng cấp D nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nợ chung với ông B.

Bị đơn ông Huỳnh Công B đã được Tòa án thông báo hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng đương sự không giao nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; không có đơn yêu cầu phản tố trong vụ án.

Tòa án đã tiến hành mở các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt, nên vụ án không hòa giải được.

Tại phiên tòa, bà T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và ông B vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Bùi Thị Ngọc T khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con chung đối với ông Huỳnh Công B. Căn cứ theo Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án xác định quan hệ pháp luật tố tụng là “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*”, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 8 – Tây Ninh theo thủ tục sơ thẩm.

[2] Bà T vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt hợp lệ; ông B vắng mặt nhưng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Nguyên đơn bà T yêu cầu ly hôn với ông B; yêu cầu nuôi con chung; không yêu cầu cấp dưỡng; không yêu cầu chia tài sản chung và xác định không có nợ chung với bị đơn. Bị đơn ông B không có yêu cầu phản tố trong vụ án. Căn cứ khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử chỉ xem xét đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và giải quyết hậu quả theo quy định pháp luật.

[4] Về yêu cầu ly hôn: Bà Bùi Thị Ngọc T và ông Huỳnh Công B xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn tại U, thị xã K, tỉnh Long An vào ngày 31/10/2016 là quan hệ hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật bảo vệ. Xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T với ông B do đời sống chung không hòa hợp; tính tình không hợp nhau; không ai có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa bà T với ông B đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông B là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về nuôi con chung: Bà T và ông B có 01 con chung tên Huỳnh Ngọc G, sinh ngày 19/4/2017. Sau khi ly hôn, bà T yêu cầu được con. Xét thấy, từ khi phát sinh mâu thuẫn vợ chồng thì cháu G do bà T trực tiếp nuôi dưỡng, đã ổn định đời

sống, tinh thần và theo nguyện vọng của con muốn được sống với mẹ, nên để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con chung sau khi ly hôn, cần giao cháu G cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

[6] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông Bằng cấp D nuôi con là hoàn toàn tự nguyện nên ông Bằng K phải cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

[7] Về tài sản chung: Không yêu cầu chia tài sản chung nên không xem xét.

[8] Về nợ chung: Bà T xác định không có nợ chung với ông B nên không xem xét.

[9] Về án phí: Bà T phải chịu án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Tuyên xử;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của bà Bùi Thị Ngọc T đối với ông Huỳnh Công B.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Bùi Thị Ngọc T được ly hôn với ông Huỳnh Công B.

- *Về con chung:* Bà T và ông B có 01 con chung tên Huỳnh Ngọc G, sinh ngày 19/4/2017; bà T đang chăm sóc, nuôi dưỡng. Sau khi ly hôn, bà T có quyền trực tiếp nuôi con.

- *Về cấp dưỡng nuôi con:* Ông Bằng không phải cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

- *Về tài sản chung:* Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung:* Đương sự xác định không có nợ chung với nhau.

2. Về án phí: Bà Bùi Thị Ngọc T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn; chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên số 0001592 ngày 24 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh - Phòng Thi hành án dân sự khu vực 8 - Tây Ninh sang thi hành án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Về hướng dẫn thi hành án: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND KV8-Tây Ninh;
- P. THADS KV8-Tây Ninh;
- THADS tỉnh Tây Ninh;
- UBND phường Kiến Tường, tỉnh Tây Ninh;
- Lưu: hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Phương